Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8435.90.20

Mã HS	8435.90.20
Mô tả hàng hóa	Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các loại đồ uống tương tự / - Bộ phận: / - - Của máy không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 17:10:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84359020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13769
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13769
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13769
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13076
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13017
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13017
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13017
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13017
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13017
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13017
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13071
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13071

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13071
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13071
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13071
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13071
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13072
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13072
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13072
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13072
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13072
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13072
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13075
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13023
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13031
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13031
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13031
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13031
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13031
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13031
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13062
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13062
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13062
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13062
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13062
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13062
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13111
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13111

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13111
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13111
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13111
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13111
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13094
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13094
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13094
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13094
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13094
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13094
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13094
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13094
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13094
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13094
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13094
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13094
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13109
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13109
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13109
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13109
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13109
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13109
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13108
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13108
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13108
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13108

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13108
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13108
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13088
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13088
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13088
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13088
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13088
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13088
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13088
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13096
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13096
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13096
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13096
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13096
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13096
RCEP B	2022	2022	0	B!D13096
RCEP B	2023	2023	0	B!E13096
RCEP B	2024	2024	0	B!F13096
RCEP B	2025	2025	0	B!G13096
RCEP B	2026	2026	0	B!H13096
RCEP B	2027	2027	0	B!I13096
RCEP C	2022	2022	0	C!D13096
RCEP C	2023	2023	0	C!E13096
RCEP C	2024	2024	0	C!F13096
RCEP C	2025	2025	0	C!G13096
RCEP C	2026	2026	0	C!H13096

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13096
RCEP D	2022	2022	0	D!D13095
RCEP D	2023	2023	0	D!E13095
RCEP D	2024	2024	0	D!F13095
RCEP D	2025	2025	0	D!G13095
RCEP D	2026	2026	0	D!H13095
RCEP D	2027	2027	0	D!I13095
RCEP E	2022	2022	0	E!D13099
RCEP E	2023	2023	0	E!E13099
RCEP E	2024	2024	0	E!F13099
RCEP E	2025	2025	0	E!G13099
RCEP E	2026	2026	0	E!H13099
RCEP E	2027	2027	0	E!I13099
RCEP F	2022	2022	0	F!D13096
RCEP F	2023	2023	0	F!E13096
RCEP F	2024	2024	0	F!F13096
RCEP F	2025	2025	0	F!G13096
RCEP F	2026	2026	0	F!H13096
RCEP F	2027	2027	0	F!I13096
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12147
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12147
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12147
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12147

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8435.90 có 2 dòng thuế; dòng 8435.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của máy không hoạt động bằng điện.	8435.90.10 Của máy hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8435.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8435.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13769), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.